



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Đặng Trọng Ngồn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2018)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/07/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/07/2017)

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
-------------------	---

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033001/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 13 tháng 03 năm 2017.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

A blue ink signature of Phạm Thị Thanh Duyên.

Phạm Thị Thanh Duyên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3515-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.035.905.629.083	913.138.108.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.339.359.575	66.031.095.512
1. Tiền	111	V.1	37.339.359.575	66.031.095.512
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.000.000.000	20.527.640.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	23.242.031.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.714.391.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	160.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		804.592.665.341	812.632.148.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	199.646.686.191	305.326.975.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	111.632.015.361	180.972.777.228
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	133.047.636.758	153.418.691.891
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	480.225.063.761	242.060.703.724
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(119.958.736.730)	(69.146.999.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	30.794.671.686	13.947.224.398
1. Hàng tồn kho	141		30.794.671.686	13.947.224.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.178.932.481	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.178.932.481	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		448.691.165.422	521.729.019.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.646.278.617	23.530.887.909
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	13.646.278.617	23.530.887.909
II. Tài sản cố định	220		49.140.036.019	47.426.487.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	32.569.340.635	31.504.959.994
- Nguyên giá	222		75.318.156.849	69.931.270.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.748.816.214)	(38.426.310.721)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.570.695.384	15.921.527.984
- Nguyên giá	228		18.859.572.408	17.863.520.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.877.024)	(1.941.992.424)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		304.574.468.149	367.193.189.620
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	226.736.626.972	235.972.515.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	77.837.841.177	131.220.673.816
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		76.841.327.364	80.663.829.892
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	90.750.280.000	88.750.280.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	18.414.100.000	19.434.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	37.552.591.939	42.739.009.234
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.875.644.575)	(70.259.559.342)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.489.055.273	2.914.624.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.447.583.049	2.282.672.155
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.041.472.224	631.952.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.484.596.794.505	1.434.867.128.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		539.214.842.250	459.250.925.472
I. Nợ ngắn hạn	310		537.920.006.310	456.301.269.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	104.515.265.990	105.874.626.356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	186.214.523.098	133.913.638.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	409.111.558	6.730.868.735
4. Phải trả người lao động	314		3.876.630.900	3.345.517.547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	44.819.426.183	71.440.000.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	42.610.419.512	2.181.454.471
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	150.379.320.909	124.659.185.689
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.221.003.167	3.946.172.138
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.874.304.993	4.209.805.243
II. Nợ dài hạn	330		1.294.835.940	2.949.655.940
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	1.294.835.940	2.949.655.940
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		945.381.952.255	975.616.203.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	945.381.952.255	975.616.203.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(86.919.236.536)	(28.712.098.397)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.122.998.182	79.150.110.873
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		76.484.423.297	41.068.859.796
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.638.574.885	38.081.251.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.484.596.794.505	1.434.867.128.557

Võ Quang
 Người lập biểu
 Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cán
 Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		763.647.456.921	570.473.730.637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	763.647.456.921	570.473.730.637
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	577.799.730.160	478.624.387.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.847.726.761	91.849.343.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	21.225.671.024	21.068.546.593
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	10.656.412.375	24.931.622.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.174.156.134	20.574.656.310
8. Chi phí bán hàng	25		26.328.182	203.676.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	94.027.754.463	43.280.939.441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.362.902.765	44.501.652.354
11. Thu nhập khác	31	VL.6	6.839.920.964	2.031.314.086
12. Chi phí khác	32	VL.7	7.462.312.972	1.839.911.804
13. Lợi nhuận khác	40		(622.392.008)	191.402.282
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.740.510.757	44.693.054.636
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.8	30.544.439.453	6.862.701.236
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(409.520.081)	(250.897.677)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.605.591.385	38.081.251.077
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	808.009.340.127	756.965.052.388
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(603.320.434.026)	(576.145.723.569)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.208.815.149)	(20.220.164.530)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.122.033.681)	(21.121.537.656)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(31.477.619.050)	(18.075.951.753)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	31.885.478.864	14.134.654.877
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.665.307.450)	(34.218.525.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	156.100.609.635	101.317.803.957
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.780.329.118)	(12.541.065.787)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	966.939.825
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(193.000.000.000)	(45.817.717.625)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	41.175.344.970	190.925.509.025
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(123.147.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.783.733.259	4.798.910.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.173.951.774	13.243.196.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(150.647.299.115)	151.452.625.316
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(58.207.138.139)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	487.256.861.345	572.289.870.738
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(463.191.546.125)	(849.960.213.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.141.822.919)	(277.670.342.343)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.688.512.399)	(24.899.913.070)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	66.031.095.512	90.929.799.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.223.538)	1.209.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	37.339.359.575	66.031.095.512


Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018


Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 904.329.530.000 đồng tương ứng với 90.432.953 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉ

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng

2. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt
Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú
Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HDQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể Sản giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4

Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8

Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk

4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12

Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình

5. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO

Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế

6. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, Tỉnh Bình Thuận

7. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch
VNECO

Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà
Nẵng

8. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa
Thắng

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, tỉnh Bình Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty liên kết

Địa chỉ

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản khác	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	01 năm
Phần mềm máy tính	Từ 1 năm đến 2 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	681.952.249	204.796.197
Tiền gửi ngân hàng	36.657.407.326	65.826.299.315
Cộng	<u>37.339.359.575</u>	<u>66.031.095.512</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	160.000.000.000	-
Cộng	160.000.000.000	-

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng tiền gửi sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 168/242753/HĐTĐ/2017 ngày 09 tháng 10 năm 2017 với số tiền 50.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 169/242753/HĐTĐ/2017 ngày 09 tháng 10 năm 2017 với số tiền 50.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 102/242753/HĐTĐ/2017 ngày 07 tháng 07 năm 2017 với số tiền 30.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Số 122/242753/HĐTĐ/2017 ngày 27 tháng 07 năm 2017 với số tiền 30.000.000.000 đồng, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5,5%/năm. Hợp đồng được tái tục vào thời điểm đáo hạn.

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	56.368.465.234	61.850.264.266
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	31.103.168.140	17.868.128.860
Lê Hữu Tín	26.787.968.683	-
Ban QLDA lưới điện Hà Nội	19.634.113.461	-
Ban QLDA các công trình Điện Miền Bắc	13.481.936.113	54.424.074.538
Công ty Truyền tải điện 3	9.477.788.523	-
Ban QLDA điện lực Miền Nam - Tổng Công ty điện lực Miền Nam	7.873.738.384	-
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	7.127.353.548	22.628.990.248
Ban Quản lý Dự án Phát triển điện lực Hà Nội	6.393.473.669	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	5.675.445.321	14.500.380.746
Ban QLDA phát triển điện lực (Tổng Công ty Điện lực miền Bắc)	5.484.839.307	9.818.778.456
Ban QLDA lưới điện - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	4.464.646.020	-
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á	-	115.802.660.338
Các đối tượng khác	5.773.749.788	8.433.697.953
Cộng	199.646.686.191	305.326.975.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (i)	65.000.000.000	65.000.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - Thành phố Đà Nẵng (ii)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	10.452.505.716	-
Công Ty TNHH MTV Lộc An Phúc Thịnh	2.473.228.020	-
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	-	50.728.000.000
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	12.115.149.407
Công ty Cổ phần KTC	-	12.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	8.213.258.898	15.636.605.094
Cộng	111.632.015.361	180.972.777.228

b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.
- (ii) Khoản trả trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á	-	20.400.110.914
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA - VNECO	-	6.063.853.673
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO (i)	133.047.636.758	126.954.727.304
Cộng	133.047.636.758	153.418.691.891

b. Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

- (i) Khoản cho Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO vay theo hợp đồng thu xếp vốn để xây dựng công trình khách sạn Xanh Huế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự án chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	256.068.573.879	205.340.573.879
+ Công ty CP Dịch vụ thương mại kinh doanh Nhà Tin Nghĩa	116.000.000.000	116.000.000.000
+ Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
+ Công ty TNHH TMại XD Phúc Vân Hà	73.547.715.546	22.819.715.546
- Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	202.123.231.349	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.005.833.333	-
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	2.460.327.531
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Bắc Bình	1.121.761.300	13.847.000
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	214.783.092	654.915.400
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Phú Vang	6.679.000	416.612.000
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	-	878.366.483
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	-	1.026.418.115
- Tạm ứng	6.330.246.340	12.596.462.597
- Ký cược, ký quỹ	-	8.000.000.000
- Phải thu khác	8.893.627.937	10.673.180.719
Cộng	480.225.063.761	242.060.703.724
b. Dài hạn		
- Thu xếp vốn dài hạn cho Công ty CP Du lịch Xanh Huế	13.646.278.617	23.530.887.909
Cộng	13.646.278.617	23.530.887.909

c. Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh VII.1)

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khác				
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân	182.520.858.333	145.000.000.000	182.520.858.333	145.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	73.547.715.546	50.728.000.000
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.460.327.531	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Hoàng Thăng	478.437.775	-	478.437.775	-
Hồ Vĩnh Hoàng	397.597.000	-	397.597.000	-
Các đối tượng khác	2.453.199.436	-	2.369.462.004	-
Cộng	264.958.736.730	145.000.000.000	264.874.999.298	195.728.000.000
		119.958.736.730		69.146.999.298

Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.912.760	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.741.489.742	-	13.914.831.576	-
Hàng hoá	49.195.244	-	13.143.668	-
Hàng gửi bán	-	-	9.336.394	-
Cộng	30.794.671.686	-	13.947.224.398	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hai Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804
Cộng	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804

Dự án Khu Đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế với tổng diện tích xây dựng là 435,335m², quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo Quyết định số 26/QĐ/UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND		Máy móc thiết bị VND		Phương tiện vận tải VND		Tài sản khác VND		Tổng VND	
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2017	35.792.786.919		20.060.020.240		13.663.678.328		414.785.228		69.931.270.715	
Mua trong năm	758.312.750		4.596.755.202		-		31.818.182		5.386.886.134	
Tại ngày 31/12/2017	36.551.099.669		24.656.775.442		13.663.678.328		446.603.410		75.318.156.849	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2017	14.651.140.497		15.048.938.564		8.421.081.617		305.150.043		38.426.310.721	
Khấu hao trong năm	2.669.262.878		899.234.842		719.014.090		34.993.683		4.322.505.493	
Tại ngày 31/12/2017	17.320.403.375		15.948.173.406		9.140.095.707		340.143.726		42.748.816.214	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2017	21.141.646.422		5.011.081.676		5.242.596.711		109.635.185		31.504.959.994	
Tại ngày 31/12/2017	19.230.696.294		8.708.602.036		4.523.582.621		106.459.684		32.569.340.635	

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 25.120.921.160 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.229.102.286 đồng).
Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 24.522.669.243 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 22.517.760.567 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	17.354.684.088	50.086.320	458.750.000	17.863.520.408
Mua trong năm	996.052.000	-	-	996.052.000
Tại ngày 31/12/2017	18.350.736.088	50.086.320	458.750.000	18.859.572.408
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	1.433.156.104	50.086.320	458.750.000	1.941.992.424
Khấu hao trong năm	346.884.600	-	-	346.884.600
Tại ngày 31/12/2017	1.780.040.704	50.086.320	458.750.000	2.288.877.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	15.921.527.984	-	-	15.921.527.984
Tại ngày 31/12/2017	16.570.695.384	-	-	16.570.695.384

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.748.085.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15.921.527.984 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.836.320 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DẪN DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án Siêu thị Green Mart - Đà Nẵng (i)	58.563.708.757	58.356.508.757
Dự án Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô	-	18.512.635.297
Dự án Cải Tạo Khách Sạn Xanh Đà Nẵng	17.669.709.342	-
Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, DV và khách sạn VNECO Sơn Trà	-	54.169.460.868
Các dự án khác	1.604.423.078	182.068.894
Cộng	77.837.841.177	131.220.673.816

(i) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.407.103.910	1.554.177.806
Chi phí cải tạo văn phòng Hồ Chí Minh	-	519.437.387
Các khoản khác	40.479.139	209.056.962
Cộng	3.447.583.049	2.282.672.155

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2017			01/01/2017				
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.985.720.000	9.989.579.600	-	698.572	6.985.720.000	8.033.578.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.192.580.000	7.595.127.000	-	562.602	5.192.580.000	6.076.101.600	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.746.980.000	12.283.069.800	-	1.006.809	9.746.980.000	11.175.579.900	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	788.752	7.887.000.000	(ii)	-	788.752	7.887.000.000	(ii)	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	5.891.300	58.938.000.000	(ii)	(58.938.000.000)	5.891.300	58.938.000.000	(ii)	(58.938.000.000)
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	-	2.000.000.000	(ii)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO (i)	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng (i)	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		90.750.280.000		(58.938.000.000)		88.750.280.000		(58.938.000.000)

(i) Đây là các công ty con do Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền kiểm soát. Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty chưa thực hiện góp vốn tại các Công ty này. Đồng thời các Công ty con này chưa đi vào hoạt động.

Chi tiết về số vốn điều lệ Tổng Công ty cam kết góp theo Đăng ký kinh doanh của từng Công ty như sau:

Ngày đăng ký kinh doanh	Vốn điều lệ Tổng Công ty cam kết góp VND
01/12/2016	100.000.000.000
01/11/2017	200.000.000.000

Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

(ii) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty con chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Nghệ An	52,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Nghệ An	54,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Đắc Lắc	55,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Quảng Bình	65,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
5	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	TT.Huế	98,40%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
6	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Bình Thuận	100,00%	Sản xuất truyền tải, phân phối điện
7	Công ty TNHH MTV Bất động sản Du lịch VNECO	Đà Nẵng		Hoạt động xây lắp, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...
8	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Bình Thuận		Sản xuất truyền tải, phân phối điện

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,

Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2017		01/01/2017					
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854.100.000	9.167.512.500	-	679.075	5.854.100.000	7.334.010.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560.000.000	-	(9.560.000.000)	956.000	9.560.000.000	(ii)	(9.560.000.000)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000.000.000	(ii)	-	300.000	3.000.000.000	(ii)	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia (i)	-	-	-	-	-	1.020.000.000	(ii)	(155.961.882)
Cộng		18.414.100.000	(9.560.000.000)	(9.560.000.000)		19.434.100.000	(9.715.961.882)	

(i) Theo Nghị quyết số 31 NQ/VNECO-HDQT ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc chuyển nhượng phần vốn của Tổng Công ty đã góp vào Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia. Đến ngày 03 tháng 08 năm 2017 Tổng Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng, Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia không còn là Công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	32,37%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Đà Nẵng	33,34%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...

(ii) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty liên doanh, liên kết chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2017			01/01/2017				
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CPĐT&XD Điện Hải Xuân VNECO	3.082.000	30.820.000.000	(i)	-	3.082.000	30.820.000.000	(i)	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	277.904	5.114.023.435	4.585.416.000	(528.607.435)	277.904	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	174.699	1.617.712.740	768.675.600	(849.037.140)	214.099	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	90	807.624	807.624	-	84.490	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)
Công ty Cổ phần Sông Ba	7	48.140	-	-	53.627	368.800.000	368.800.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chồ	-	-	-	-	396.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-
Cộng		37.552.591.939	5.354.899.224	(1.377.644.575)		42.739.009.234	10.313.411.774	(1.605.597.460)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân Vneco chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGĂN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	26.467.101.952	26.467.101.952	8.650.219.102	8.650.219.102
'Công ty TNHH MTV Xây dựng Điện Miền Tây Cao Bằng	12.640.722.732	12.640.722.732	-	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	10.047.566.895	10.047.566.895	15.400.813.697	15.400.813.697
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	8.805.407.788	8.805.407.788	8.639.507.735	8.639.507.735
'Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	7.343.815.520	7.343.815.520	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	6.856.460.862	9.534.299.109	9.534.299.109
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phương Tùng	5.646.161.893	5.646.161.893	2.140.527.143	2.140.527.143
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	4.891.085.190	4.891.085.190	6.114.315.010	6.114.315.010
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	1.574.172.252	1.574.172.252	9.869.856.253	9.869.856.253
Công ty CP Đất Xanh miền Trung	1.181.000.000	1.181.000.000	3.482.020.204	3.482.020.204
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	1.140.713.433	909.914.740	909.914.740
Công ty TNHH Phúc Thịnh	813.446.013	813.446.013	2.678.819.489	2.678.819.489
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	749.913.891	749.913.891	12.537.896.138	12.537.896.138
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	-	-	1.823.104.931	1.823.104.931
Phải trả cho các đối tượng khác	16.357.697.569	16.357.697.569	24.093.332.805	24.093.332.805
Cộng	104.515.265.990	104.515.265.990	105.874.626.356	105.874.626.356

b. Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Khách hàng trả trước dự án Mỹ Thượng	73.300.287.944	73.300.287.944	47.812.476.926	47.812.476.926
Công ty TNHH MTV Cơ Khí xây dựng Huy Hoàng	41.428.636.000	41.428.636.000	-	-
Công ty CP Mai Linh Hà Tĩnh	12.071.320.019	12.071.320.019	12.524.992.259	12.524.992.259
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	39.967.818.817	39.967.818.817	17.200.374.371	17.200.374.371
Công ty TNHH Hùng Quý	4.712.380.033	4.712.380.033	7.586.592.703	7.586.592.703
Phải trả cho các đối tượng khác	14.734.080.285	14.734.080.285	48.789.202.111	48.789.202.111
Cộng	186.214.523.098	186.214.523.098	133.913.638.370	133.913.638.370

b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017		Số đã thực nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	16.187.681.634	-	16.187.681.634	21.480.268.907	21.480.268.907	5.292.587.273	5.292.587.273
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.002	-	3.002	5.286.713	5.286.713	5.283.711	5.283.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.512.726	30.544.439.453	297.512.726	30.544.439.453	31.477.619.050	31.477.619.050	1.230.692.323	1.230.692.323
Thuế thu nhập cá nhân	111.598.832	444.751.492	111.598.832	444.751.492	535.458.088	535.458.088	202.305.428	202.305.428
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	848.867.081	-	848.867.081	848.867.081	848.867.081	-	-
Cộng	409.111.558	48.025.742.662	409.111.558	48.025.742.662	54.347.499.839	54.347.499.839	6.730.868.735	6.730.868.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	238.438.147	186.316.748
Trích trước chi phí công trình	41.602.937.518	68.831.248.139
Trích trước chi phí mua Trụ sở làm việc số 344 Phan Châu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	804.614.422	249.000.000
Cộng	<u>44.819.426.183</u>	<u>71.440.000.983</u>

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	482.731.304	314.460.392
Bảo hiểm xã hội	20.183.940	218.957.544
Bảo hiểm y tế	3.460.104	134.834.568
Bảo hiểm thất nghiệp	1.153.368	75.761.024
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.861.148.800	894.132.300
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	194.978.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	241.741.996	348.330.043
Cộng	<u>42.610.419.512</u>	<u>2.181.454.471</u>

b. Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	(i) 132.280.430.075	132.280.430.075	410.998.782.244	376.657.022.019	97.938.669.850	97.938.669.850
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	(ii) 11.364.694.215	11.364.694.215	54.761.822.019	55.211.892.437	11.814.764.633	11.814.764.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	(iii) 5.417.244.741	5.417.244.741	21.495.065.204	26.890.251.669	10.812.431.206	10.812.431.206
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	1.191.878	1.191.878	1.191.878	-	-	-
Cộng vay ngắn hạn	149.063.560.909	149.063.560.909	487.256.861.345	458.759.166.125	120.565.865.689	120.565.865.689
Phân loại các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.315.760.000				4.093.320.000	
Tổng cộng	150.379.320.909				124.659.185.689	

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 06/2017/242753/HDTD ngày 20 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 5.226.252.858 đồng. Mục đích khoản vay để tạm ứng Hợp đồng xây lắp số 738/2017/HDXL/VNECO - KTKH ngày 10 tháng 04 năm 2017 thi công trạm biến áp 500KV Đức Hòa. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

2. Hợp đồng tín dụng số 07/2017/242753/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 498.426.647 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp công trình 110KV Hà Đông - Sơn Tây. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
 3. Hợp đồng tín dụng số 08/2017/242753/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 571.880.300 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp Đường dây 500/220KV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
 4. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09/2017/242753/HĐTD ngày 25 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi. Hạn mức tín dụng là hạn mức cho vay, bảo lãnh và mở L/C công gộp, được phân định như sau: Hạn mức vay vốn (bao gồm cả BL thanh toán và mở LC): 200.000.000.000 đồng, Hạn mức bảo lãnh 300.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2018. Lãi suất cho vay và thời gian trả nợ cho từng lần vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích bỏ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố/thẻ chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng tín dụng này mà Điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:
1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 42/2016/VCB-KHDN ngày 19 tháng 04 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Máy - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HDXL-VNECO-PCC1 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quang Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃU SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

- Hợp đồng tín dụng từng lần số 117/2016/VCB-KHDN ngày 01 tháng 09 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 07 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500KV đầu nối nhà máy Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/ENVNPT/NPM-HDXL-KH ngày 20/07/2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 12/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng (13,5 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán chi phí thu công gói thầu ADB -HNPC-NRST-W01: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây: Cung cấp và lắp đặt vật lắp đường dây không 100KV, tiêu dự án: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây, Dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 90HD/HANOI PBMB/ADB-HNPC-NRST-W01 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 14/2017/VCB -KHDN ngày 17 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (22 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu số 11 Xây lắp thuộc Dự án đường dây 200KV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 theo hợp đồng xây lắp số 21.12.2016/PTCC3 - VNECO ngày 21 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2016 -HDTD/NHCT488-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 7, Lô 7.3 "Xây lắp đường dây từ vị trí G12-G16"thuộc dự án "Đường dây 500KV TTDL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên". Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hai Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (i)	500.000.000	500.000.000	-	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đà Nẵng (iii)	2.110.595.940	2.110.595.940	-	732.380.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Đà Nẵng (ii)	-	-	-	2.200.000.000
Cộng	2.610.595.940	2.610.595.940	-	4.432.380.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	1.315.760.000			
Cộng các khoản vay dài hạn	1.294.835.940			7.042.975.940
				4.093.320.000
				2.949.655.940

(i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HDTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 3.885.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 03 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để mua ô tô xe ô tô Mercedes GL400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng sau niêm yết tại Ngân hàng công phí ngân hàng cố định là 2,5%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 04/12015/HDTD ngày 28 tháng 09 năm 2012 với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất hằng năm được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, được điều chỉnh 01 lần/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 3.761.800.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay để thanh toán chi phí phát sinh của dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp cầm cố theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; hợp đồng thế chấp số hợp đồng thế chấp tài sản số 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008; hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản số 140/2015/VCB-ĐN ngày 14 tháng 07 năm 2015.
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 314/VCB-KHDN ngày 19 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay là 430.000.000 đồng. Thời gian vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư 01 xe bán tải Mitsubishi 5 chỗ theo hợp đồng kinh tế số 36/1310/HDKT ngày 29 tháng 10 năm 2013. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay và theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường số bộ 172/2013/VCB-ĐN và phụ lục 1 kèm theo ngày 19 tháng 11 năm 2013 và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản số 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Trong vòng một năm
Trong năm thứ hai
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm

Cộng

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	1.315.760.000	4.093.320.000
	729.760.000	1.654.910.000
	565.075.940	1.294.745.940
	2.610.595.940	7.042.975.940
	1.315.760.000	4.093.320.000
	1.294.835.940	2.949.655.940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MÃ SỐ B09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	823.575.050.000	2.522.600.000	3.665.281.617	(28.712.098.397)	11.985.555.466	132.384.486.810	945.420.875.496							
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	38.081.251.077	38.081.251.077							
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.675.223.526	-	-	(10.561.147.014)	(7.885.923.488)							
Trả cổ tức	80.754.480.000	-	-	-	-	(80.754.480.000)	-							
Số dư tại ngày 31/12/2016	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(28.712.098.397)	11.985.555.466	79.150.110.873	975.616.203.085							
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	71.605.591.385	71.605.591.385							
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (i)	-	-	-	(58.207.138.139)	-	-	(58.207.138.139)							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(2.665.687.576)	(2.665.687.576)							
Trả cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	(40.967.016.500)	(40.967.016.500)							
Số dư tại ngày 31/12/2017	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	107.122.998.182	945.381.952.255							

(i) Mua cổ phiếu quỹ trong năm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 49QĐ/VNECO-HDQT ngày 11 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 2258QĐ/VNECO-TCNS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, đồng thời đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 7488/UBCK-QLCB ngày 02 tháng 11 năm 2017.

(ii) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.

(iii) Công ty tạm ứng cổ tức đợt I năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.647.456.921	570.473.730.637
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.224.852.889	3.446.137.529
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	259.246.777.461	106.155.236.564
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	502.269.948.171	434.539.018.942
- Doanh thu khác	905.878.400	26.333.337.602
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.647.456.921	570.473.730.637

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.838.014.221	5.709.927.805
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BĐS	108.572.180.604	76.373.660.316
Giá vốn của hoạt động xây lắp	462.483.656.935	369.751.349.448
Giá vốn hoạt động khác	905.878.400	26.789.449.675
Cộng	577.799.730.160	478.624.387.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.676.434.561	5.993.353.541
Lãi kinh doanh chứng khoán	2.045.884.863	2.887.336.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.503.351.600	12.186.620.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.236.417
Cộng	21.225.671.024	21.068.546.593

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.174.156.134	20.574.656.310
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	3.320.975.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.223.538	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(605.054.357)	1.035.990.733
Chi phí tài chính khác	84.087.060	-
Cộng	10.656.412.375	24.931.622.191

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	589.701.333
Chi phí nhân viên quản lý	18.786.227.491	19.481.112.236
Khấu hao tài sản cố định	2.346.259.787	2.838.213.965
Thuế, phí, lệ phí	905.382.560	1.082.282.368
Chi phí dự phòng	50.711.047.976	733.422.430
Dịch vụ mua ngoài	5.757.315.020	11.183.025.007
Chi phí bằng tiền khác	15.521.521.629	7.373.182.102
Cộng	94.027.754.463	43.280.939.441

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	292.318.854
Chênh lệch phần định giá giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Lãng Cô - Trùng Phương	6.060.188.313	-
Thu từ vi phạm Hợp đồng kinh tế	244.653.000	-
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	-	418.010.294
Thanh lý Công cụ dụng cụ	108.000.000	759.970.775
Các khoản thu khác	427.079.651	561.014.163
Cộng	6.839.920.964	2.031.314.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt vi phạm chậm tiến độ thực hiện DA theo VB số 7131/UBND-XTĐT	5.451.667.000	-
Chi phí công trình không quyết toán	1.673.241.274	560.012.834
Phạt chậm kê khai thuế nhà thầu nước ngoài	12.113.848	-
Giá trị còn lại của CCDC xuất bán	-	326.013.627
Thanh lý Công cụ dụng cụ	68.572.500	-
Các khoản bị phạt chậm nộp Bảo hiểm	10.392.449	48.240.860
Các khoản chi khác	246.325.901	905.644.483
Cộng	7.462.312.972	1.839.911.804

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.740.510.757	44.693.054.636
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>(48.934.086.100)</i>	<i>14.911.478.388</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	8.503.351.600	12.186.620.500
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	5.997.808.569	552.583.657
- Cộng Chi phí không được trừ (tiền phạt xử lý tiền ký quỹ đảm bảo đầu tư do vi phạm tiến độ thực hiện dự án "Khu Du lịch Xanh Lãng Cổ")	5.451.667.000	-
<i>Cộng Chi phí không được trừ (khoản chênh lệch giá trị khấu hao xe ô tô Mercedes Ben 7 chỗ có nguyên giá lớn hơn khung giá quy định)</i>	<i>238.082.272</i>	<i>-</i>
<i>Cộng Chi phí không được trừ (tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không tham gia điều hành)</i>	<i>285.553.000</i>	<i>-</i>
Phạt chậm kê khai thuế nhà thầu cho người nước ngoài	12.113.848	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	10.392.449	-
Thu nhập chịu thuế	(51.439.629.131)	3.277.441.545
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	655.488.309
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	655.488.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ chuyển nhượng BĐS. Trong đó:</i>	<i>150.674.596.857</i>	<i>29.781.576.248</i>
- Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, Trung tâm TMDV và Khách sạn VNECO Sơn Trà	146.996.786.942	-
- Chuyển nhượng đất và TS trên đất HĐ số 6836 ngày 29/12/2017 với Lê Hữu Tín	23.027.739.831	-
- Các hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản khác	(19.349.929.916)	29.781.576.248
Thu nhập chịu thuế	150.674.596.857	29.781.576.248
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	30.134.919.371	5.956.315.250
Hoàn nhập thuế TNDN đã tạm trích từ tiền thu trước HĐKD BDS	(94.353.029)	-
Tạm trích 1% từ tiền thu liên quan đến hoạt động bất động sản	503.873.111	250.897.677
Chi phí thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS	30.544.439.453	6.207.212.927
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	30.544.439.453	6.862.701.236

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.723.400.325	75.673.415.859
Chi phí nhân công	20.425.302.084	19.481.112.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.669.390.093	5.363.312.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.346.218.897	347.813.444.591
Chi phí khác bằng tiền	36.758.844.553	28.671.081.744
Cộng	682.923.155.951	477.002.366.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
5. Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Công ty con
5. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
6. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	Công ty con
7. Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
8. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
9. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
10. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
11. Các cá nhân là thành viên Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2017 (chi tiết xem tại Trang 2 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a. Bán hàng	905.878.400	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	302.578.400	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	201.100.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	201.100.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	201.100.000	-
b. Mua hàng	221.680.319.601	185.751.858.034
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	11.747.540.890	13.201.396.642
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	35.377.112.985	22.433.603.162
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	87.803.002.063	64.128.974.699
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	14.289.176.581	14.354.406.759
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	(71.523.133)	4.547.033.827
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	11.526.557.078	17.088.576.879
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	6.105.045.465	22.688.128.055
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	54.903.407.672	27.309.738.011
c. Nhận cổ tức	7.407.647.100	6.540.701.300
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.257.429.600	1.257.429.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	1.125.204.000	900.163.200
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.510.213.500	1.510.213.500
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.577.400.000	1.064.745.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.577.400.000	1.358.150.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	360.000.000	450.000.000
Lãi cho vay	2.118.899.334	3.077.433.230
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	2.118.899.334	3.077.433.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	204.143.051.349	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	221.210.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.798.610.000	-
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	202.123.231.349	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	133.047.636.758	126.954.727.304
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	133.047.636.758	126.954.727.304
Phải thu dài hạn khác	13.646.278.617	23.530.887.909
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	13.646.278.617	23.530.887.909
Các khoản phải trả người bán	59.782.508.372	60.942.030.577
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.574.172.252	9.869.856.253
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	8.805.407.788	8.639.507.735
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	26.467.101.952	8.650.219.102
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	4.891.085.190	6.114.315.010
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	-	1.823.104.931
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	10.047.566.895	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	909.914.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	9.534.299.109
Phải trả ngắn hạn khác	320.957.342	848.415.942
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	320.957.342	653.437.342
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	194.978.600
Trả trước cho người bán	6.350.000	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	6.350.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.358.965.000	1.959.544.000
Ông Ngô Văn Cường	708.797.000	501.490.000
Ông Nguyễn Tịnh	523.740.000	477.286.000
Ông Trần Văn Huy	504.677.000	477.286.000
Ông Lê Văn Khôi	510.424.000	49.606.000
Ông Mai Anh Hoàng	251.704.000	-
Ông Phan Anh Quang	509.858.000	453.876.000
Ông Phạm Hữu Minh Huy	111.102.000	-
Ông Trần Quang Cần	238.663.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	958.684.000	1.137.494.000
Ông Đoàn Đức Hồng	464.351.000	696.404.000
Ông Đặng Trọng Ngôn	21.913.000	96.000.000
Ông Ngô Văn Cường	35.000.000	-
Ông Phan Anh Quang	60.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	60.000.000	60.000.000
Ông Trương Phước Nghĩa	33.810.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Hồng	140.277.000	60.000.000
Ông Lê Mạnh Hùng	60.000.000	9.090.000
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	33.333.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đậu Thảo	25.000.000	-
Ông Trần Quang Cần	25.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát	331.562.857	261.094.564
Ông Lê Chí Dũng	274.848.857	189.094.564
Ông Lê Minh Tuấn	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	20.714.000	36.000.000
Cộng	4.649.211.857	3.358.132.564

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Quyết định số 05QĐ/VNECO - HDQT ngày 05 tháng 02 năm 2018, Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc